**TUẦN 5: 04/10/ - 8/10/2021**

**Tiếng Việt:**

**TỪ HÁN VIỆT**

**I/ Đơn vị cấu tạo từ Tiếng Việt**

***1. Ví dụ 1:***  Bài thơ "Nam quốc sơn hà"

- Nam: phương Nam -> dùng độc lập.

- Quốc: nước

- Sơn: núi => không dùng đọc lập

- Hà: sông

-> Các tiếng: **Nam, quốc, sơn**, **hà** dùng để cấu tạo từ Hán Việt: là yếu tố Hán Việt.

- Phần lớn các yếu tố HV không được dùng độc lập, chỉ dùng để cấu tạo từ ghép.

- Tiếng *Nam* có thể dùng độc lập như một từ.

**Ví dụ 2:**

- “Thiên” trong “thiên niên kỷ, thiên lí mã” có nghĩa là một nghìn.

- “Thiên” trong “thiên đô” có nghĩa là dời.

-> Từ đồng âm nhưng khác nghĩa

***2. Ghi nhớ 1: (SGK-55)***

**II/ Từ ghép Hán Việt**

**1/ Ví dụ:**

+ Sơn hà: núi + sông

+ Giang sơn: sông + núi.

+ Xâm phạm: Lấn + chiếm.

**-> từ ghép đẳng lập.**

+ Ái quốc, thủ môn, chiến thắng thuộc **từ ghép chính phụ** (**chính trước, phụ sau).**

+ Thiên thư, bạch mã, tái phạm

-> **từ ghép chính phụ** (**phụ trước, chính sau**).

**2/ Ghi nhớ: sgk**

**II/. Luyện tập: HS làm bài tập: 1,2,3,4 sgk/ 70-71**

**III/. Sử dụng từ Hán Việt**

***1/ Sử dụng từ Hán Việt để tạo sắc thái biểu cảm***

***Ví dụ:*** (SGK- 81, 82)

+ Phụ nữ, từ trần: tạo sắc thái trang trọng, thể hiện thái độ tôn kính.

+ Mai táng tử thi: tạo sắc thái tao nhã, tránh cảm giác ghê sợ.

+ Kinh đô, yết kiến, trẫm, bệ hạ, thần: tạo sắc thái cổ xưa.

***2/ Ghi nhớ:*** (SGK - 82)

***3/. Không nên lạm dụng từ Hán Việt. Ví dụ: sgk/ 82***

* ***Ghi nhớ: sgk/83***

**IV/ Luyện tập: HS làm bài tập : 1,2,3,4 sgk/83-84**